

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2018/DS-ST**
Ngày: 06-8-2018.
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Quang Nghĩa**.

2. Ông **Trần Văn Xuân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Ông **Nguyễn Văn Dũng** – Kiểm sát viên sơ cấp.

Vào ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **98/2018/TLST-DS** ngày 18 tháng 6 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **25/2018/QĐST-DS** ngày 19 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị D** - Sn: 1987. (*Có mặt*)

ĐKTT: Tổ 3, khu phố 6, thị trấn GR, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Buôn bán.

*** Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thanh L** - Sn: 1962. (*Có mặt*)

ĐKTT: Tổ 5, khu phố 7, thị trấn GR, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Nội trợ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông **Lê Việt H** – Sn: 1961. (*Có mặt*)

ĐKTT: Tổ 5, khu phố 7, thị trấn GR, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Thợ xây.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-6-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Ngày 27-12-2014, chị và bà L có hợp đồng mua bán cám chăn nuôi và gạo. Trong quá trình mua bán, tính đến ngày 10-11-2015 Bên bà L còn thiếu nợ chị 41.059.534 (*Bốn mươi một triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm ba mươi bốn*) đồng, ngày 18-10-2017, bà L ký “Giấy hẹn trả nợ”, đến ngày 25-12-2017 (âm lịch) sẽ trả đủ tiền cho chị. Nhưng từ đó đến nay, chị đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng vợ chồng bà L, ông H không trả. Nay chị yêu cầu vợ chồng ông H, bà L trả cho chị 41.059.534 (*Bốn mươi một triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm ba mươi bốn*) đồng, không yêu cầu lãi suất, ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Bà thừa nhận hiện nay còn nợ chị D tiền mua cám chăn nuôi là 41.059.534 (*Bốn mươi một triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm ba mươi bốn*) đồng, nhưng trong đó có cả tiền lãi cộng vào vốn gốc, còn số nợ tiền cám, gạo không có lãi là 36.000.000 (*Ba mươi sáu triệu*) đồng. Bà chấp nhận trả cho chị D 41.059.534 (*Bốn mươi một triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm ba mươi bốn*) đồng, nhưng trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 (*Một triệu*) đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Việt H trình bày:

Việc mua bán cám, gạo giữa chị D với vợ ông, ông chỉ biết có sự việc mua bán còn cụ thể như thế nào ông không biết. Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông (bà L) và đồng ý cùng với vợ trả nợ cho chị D như số tiền và cách thức trả vợ ông trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa ý kiến:

Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông H – bà L trả cho chị D 36.000.000 đồng và lãi suất theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Chị Lê Thị D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh L trả nợ tiền mua cám, gạo, để chăn nuôi phục vụ cho cuộc sống gia đình, không có mục đích lợi nhuận. Nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Ông Lê Việt H là chồng bà L biết sự việc mua bán giữa bà L và chị D, theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình xác định khoản nợ tiền

mua bán cám, gạo này là nợ chung của vợ chồng ông Lê Việt H – bà Nguyễn Thị Thanh L. Do đó, ông H pH cùng với bà L có trách nhiệm trả nợ cho chị D nên ông H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị Lê Thị D và bà Nguyễn Thị Thanh L thống nhất trình bày: Bà Nguyễn Thị Thanh L còn nợ chị Lê Thị D tiền mua cám chăn nuôi là 41.059.534 (*Bốn mươi một triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm ba mươi bốn*) đồng. Áp dụng Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận đây là sự thật.

Chị Lê Thị D yêu cầu vợ chồng ông Lê Việt H – bà Nguyễn Thị Thanh L trả số tiền còn nợ là 41.059.534 (*Bốn mươi một triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm ba mươi bốn*) đồng, bà L trình bày số nợ trên đã bao gồm cả tiền lãi, còn nợ gốc là 36.000.000 đồng và đây là mức lãi suất phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận. Vợ chồng ông H – bà L chấp nhận trả 41.059.534 đồng, nhưng xin trả dần hàng tháng 1.000.000 (*Một triệu*) đồng, chị D yêu cầu trả một lần. Yêu cầu của chị D phù hợp quy định tại Điều 433, 434 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận toàn bộ.

[3] *Về án phí:*

Yêu cầu của chị Lê Thị D được chấp nhận nên vợ chồng ông Lê Việt H – bà Nguyễn Thị Thanh L pH nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 41.059.534 đồng x 5% = 2.053.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 430, 433, 434, 440 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng Lê Việt H – bà Nguyễn Thị Thanh L trả cho chị Lê Thị D **41.059.534** (*Bốn mươi một triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm ba mươi bốn*) đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị Lê Thị D (Sau khi án có hiệu lực pháp luật) hàng tháng vợ chồng ông Lê Việt H – bà Nguyễn Thị Thanh L pH chịu lãi suất cơ bản theo mức quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản tiền chưa thi hành.

2. Về án phí:

Buộc vợ chồng Lê Việt H – bà Nguyễn Thị Thanh L nộp **2.053.000** (*Hai triệu không trăm năm mươi ba nghìn*) đồng tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Lê Thị D **1.026.000** (*Một triệu không trăm hai mươi sáu nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí, chị D nộp theo Biên lai thu tiền số **003073** ngày **18-6-2018** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Huyện Xuân Lộc;
- Chi cục Thi hành án huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Anh Dũng